

**PHÂN PHÒNG KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ ANH VĂN ĐẦU KHÓA
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY - KHÓA TUYỂN NĂM 2025**

Lưu ý:

- 1/ Sinh viên (SV) phải mang **Căn cước công dân** vào phòng thi.
- 2/ SV có mặt tại phòng thi trước giờ thi 10 phút.
- 3/ Hình thức thi: trắc nghiệm.
- 4/ Từ 13g30 ngày 04/9/2025: SV tra cứu danh sách SV đã nộp hồ sơ xét đạt chuẩn đầu ra và lịch kiểm tra chi tiết tại đường link:
<https://lookerstudio.google.com/reporting/9b6be430-0451-4b55-bd18-34cca5074bc5>
- 5/ Sinh viên đã nộp hồ sơ xét đạt chuẩn đầu ra thì không có tên trong danh sách dự thi anh văn đầu khóa.
- 6/ Sinh viên chương trình tăng cường tiếng Anh của các ngành Công nghệ thông tin, Công nghệ sinh học và Sinh học, chương trình Tiên tiến ngành Khoa học máy tính theo dõi thông tin kiểm tra anh văn đầu khóa trên website của các khoa phụ trách đào tạo.
- 7/ Sinh viên không có tên trong danh sách thi và không thuộc các mục 5, 6 mang theo **Biên nhận hồ sơ nhập học** đến Phòng Đào tạo xin bổ sung vào danh sách dự thi trước giờ thi 20 phút.
- 8/ Sau khi xác minh chứng chỉ ngoại ngữ, Trường sẽ thông báo SV đạt chuẩn đầu ra theo chương trình qua email cho từng sinh viên (email do Trường cấp). Trường hợp SV nộp chứng chỉ giả, Trường sẽ xử lý buộc thôi học.
- 9/ Nếu có thắc mắc khác liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, sinh viên vui lòng liên hệ Phòng Đào tạo.

TẠI CƠ SỞ 2: KHU ĐÔ THỊ ĐẠI HỌC QUỐC GIA, PHƯỜNG ĐÔNG HÒA, TP.HCM								
STT	Mã ngành	Ngành/nhóm ngành, chương trình	Giờ thi	Ngày thi	Từ MSSV	Đến MSSV	Số SV	Phòng thi
CA THI 1								
1	7420101	Sinh học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25150001	25150066	56	F103
2	7420101	Sinh học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25150067	25150128	56	F104
3	7420101	Sinh học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25150129	25150190	56	F105
4	7420101	Sinh học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25150191	đến hết danh sách	43	F106
5	7420201	Công nghệ Sinh học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25180001	25180052	40	F201
6	7420201	Công nghệ Sinh học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25180054	25180115	50	F202

STT	Mã ngành	Ngành/nhóm ngành, chương trình	Giờ thi	Ngày thi	Từ MSSV	Đến MSSV	Số SV	Phòng thi
7	7420201	Công nghệ Sinh học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25180116	25180171	50	F203
8	7420201	Công nghệ Sinh học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25180172	đến hết danh sách	49	F204
9	7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25130001	25130050	40	F301
10	7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25130051	25130122	56	F302
11	7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25130123	25130195	56	F303
12	7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học, Công nghệ Vật lý điện tử và tin học, Công nghệ bán dẫn	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25130197	đến hết danh sách	56	F304
13	7440112	Hoá học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25140001	25140063	50	E104
14	7440112	Hoá học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25140064	25140127	50	E105
15	7440112	Hoá học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25140128	25140181	50	E106
16	7440112	Hoá học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25140182	đến hết danh sách	43	E107
17	7440122	Khoa học Vật liệu	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25190001	25190039	36	E201
18	7440122	Khoa học Vật liệu	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25190040	25190097	54	E202
19	7440122	Khoa học Vật liệu	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25190098	đến hết danh sách	54	E203
20	7440201_NN	Nhóm ngành Địa chất học, Kinh tế đất đai	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25160001	25160054	50	F205
21	7440201_NN	Nhóm ngành Địa chất học, Kinh tế đất đai	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25160055	đến hết danh sách	43	F206
22	7440228	Hải dương học	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25210001	đến hết danh sách	42	F305
23	7440301	Khoa học Môi trường	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25170001	25170075	68	E204
24	7440301	Khoa học Môi trường	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25170076	đến hết danh sách	68	E205
25	7140103	Công nghệ giáo dục	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25310001	đến hết danh sách	55	F306

STT	Mã ngành	Ngành/nhóm ngành, chương trình	Giờ thi	Ngày thi	Từ MSSV	Đến MSSV	Số SV	Phòng thi
CA THI 2								
1	7460101_NN	Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25110001	25110062	48	F103
2	7460101_NN	Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25110063	25110122	48	F104
3	7460101_NN	Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25110123	25110187	48	F105
4	7460101_NN	Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25110188	đến hết danh sách	40	F106
5	7460108_NN	Nhóm ngành Khoa học dữ liệu, Thống kê	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25280001	đến hết danh sách	63	F302
6	7480201_NN	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25120001	25120056	45	F201
7	7480201_NN	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25120057	25120119	50	F202

STT	Mã ngành	Ngành/nhóm ngành, chương trình	Giờ thi	Ngày thi	Từ MSSV	Đến MSSV	Số SV	Phòng thi
8	7480201_NN	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25120120	25120221	73	F203
9	7480201_NN	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25120222	25120283	50	F204
10	7480201_NN	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25120285	25120408	73	F205
11	7480201_NN	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25120409	đến hết danh sách	45	F206
12	7510402	Công nghệ Vật liệu	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25250002	25250062	55	E104
13	7510402	Công nghệ Vật liệu	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25250063	đến hết danh sách	86	E105

STT	Mã ngành	Ngành/nhóm ngành, chương trình	Giờ thi	Ngày thi	Từ MSSV	Đến MSSV	Số SV	Phòng thi
14	7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25220001	25220041	38	F304
15	7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25220043	25220086	38	F305
16	7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25220087	đến hết danh sách	38	F306
17	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25200001	25200062	50	E204
18	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25200063	đến hết danh sách	70	E205
19	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25230001	đến hết danh sách	46	E106
20	7520403	Vật lý y khoa	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25260002	đến hết danh sách	43	E107
21	7520501	Kỹ thuật địa chất	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25270001	đến hết danh sách	32	E201
22	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25290001	25290048	44	E202
23	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25290049	đến hết danh sách	44	E203
24	75202a1	Thiết kế vi mạch	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25300001	đến hết danh sách	57	F303

TẠI CƠ SỞ 1: 227 NGUYỄN VĂN CỪ, PHƯỜNG CHỢ QUÁN, TP.HCM

CA THI 1

1	7440102_DKD	Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25137003	25137048	40	E301
2	7440102_DKD	Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25137049	25137106	40	E302
3	7440102_DKD	Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25137107	đến hết danh sách	20	E401
4	7440112_DKD	Hóa học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25147001	25147026	20	E401



STT	Mã ngành	Ngành/nhóm ngành, chương trình	Giờ thi	Ngày thi	Từ MSSV	Đến MSSV	Số SV	Phòng thi
5	7440112_DKD	Hóa học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25147031	25147091	41	E402
6	7440112_DKD	Hóa học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25147094	đến hết danh sách	42	E403
7	7440122_DKD	Khoa học Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25197001	25197022	18	F202
8	7440122_DKD	Khoa học Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	13 giờ 00	Thứ 6 - 05/09/2025	25197023	đến hết danh sách	31	F301
CA THI 2								
1	7440301_DKD	Khoa học Môi trường (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25177001	25177027	20	F202
2	7440301_DKD	Khoa học Môi trường (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25177028	đến hết danh sách	30	F301
3	7510401_DKD	Công nghệ kỹ thuật Hoá học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25247002	25247055	41	E301
4	7510401_DKD	Công nghệ kỹ thuật Hoá học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25247058	25247104	41	E302
5	7510401_DKD	Công nghệ kỹ thuật Hoá học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25247105	đến hết danh sách	41	E401
6	7520207_DKD	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25207001	25207049	35	E402

STT	Mã ngành	Ngành/nhóm ngành, chương trình	Giờ thi	Ngày thi	Từ MSSV	Đến MSSV	Số SV	Phòng thi
7	7520207_DKD	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25207052	đến hết danh sách	35	E403
8	7480107	Trí tuệ nhân tạo	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25122005	25122051	26	C22
9	7480107	Trí tuệ nhân tạo	14 giờ 30	Thứ 6 - 05/09/2025	25122053	đến hết danh sách	18	C31

TP.HCM, ngày 04 tháng 9 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

KI TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÒNG ĐÀO TẠO



★ **Phạm Thị Thuận**